TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2026/HNGĐ-PT
Ngày 12 - 5 - 2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Thẩm phán: Ông Bùi Anh Tuấn

Bà Hoàng Thị Hải Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy An - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2026/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2026 về việc "tranh chấp ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 79/2026/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 18/2026/QĐ-PT ngày 14 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh ngày 09/5/1990; Căn cước công dân số: 0961900001048; Địa chỉ: Ấp P, xã P, tỉnh Cà Mau (Có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Bùi Thanh T1, sinh ngày 19/8/1982; Căn cước công dân số: 096082011101; Địa chỉ: Ấp P, xã P, tỉnh Cà Mau (Có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Bùi Thanh T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Bùi Thanh T1 kết hôn năm 2008 có đăng ký và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay xã P, tỉnh Cà Mau). Trong thời gian chung sống chị T và anh T1 phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, sống không hạnh phúc, không còn quan tâm đến nhau. Chị T và anh T1 không thể hàn gắn đoàn tụ nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh T1.

- Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Bùi Thanh T1 có 01 con chung tên Bùi Nhã L, sinh ngày 26/6/2010, chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng, khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn anh Bùi Thanh T1: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh T1 vắng mặt và không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ nội dung trên, tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 79/2026/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 3- Cà Mau đã quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T, chị T được ly hôn với anh Bùi Thanh T1.

Về con chung: Giao Bùi Nhã L, sinh ngày 26/6/2010 cho chị T nuôi dưỡng. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con, anh T1 có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở anh thực hiện quyền này.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

- Ngày 20/3/2026 bị đơn anh Bùi Thanh T1 kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình số 79/2026/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Trần Thị T khởi kiện bị đơn anh Bùi Thanh T1 yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con; anh T1 cư trú tại xã P, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau thụ lý giải quyết quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình theo

quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ. Xét đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[2] Về nội dung: Chị T khởi kiện xin ly hôn với anh T1 và xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung khi ly hôn. Do trong suốt quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm anh T1 không có bất cứ văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T nên Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ chứng cứ thu thập được trong quá trình tố tụng, ý kiến trình bày của nguyên đơn và áp dụng quy định pháp luật về hôn nhân gia đình xác định mối quan hệ hôn nhân của chị T, anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn anh T1 về việc đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Chị Trần Thị T và anh Bùi Thanh T1 kết hôn năm 2008, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay xã P, tỉnh Cà Mau) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 427 ngày 19 tháng 12 năm 2008 đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Xét thấy, hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên vợ và chồng; vợ chồng đều có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình; hai bên bình đẳng, cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững. Tuy nhiên, chị T đã không còn tình cảm với anh T1, cương quyết không đồng ý hàn gắn đoàn tụ, anh T1 tuy đã được tống đạt hợp lệ thủ tục tố tụng nhưng không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T. Cấp sơ thẩm đã xem xét và đánh giá chứng cứ khách quan, toàn diện trên cơ sở thực tế tình trạng hôn nhân của chị T và anh T1 đã không thể tiếp tục duy trì nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp, có căn cứ.

[3.2] Anh T1 kháng cáo cho rằng vẫn còn tình cảm với chị T và không đồng ý ly hôn nhưng trong suốt khoảng thời gian từ khi chị T nộp đơn xin ly hôn cho đến khi tòa cấp sơ thẩm xử cho ly hôn và từ khi xét xử sơ thẩm đến nay anh T1 cũng không có biện pháp hàn gắn đoàn tụ, chị T vẫn cương quyết xin ly hôn, do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh T1.

[3.2] Về quan hệ con chung: Chị Trần Thị T và anh Bùi Thanh T1 có 01 con chung tên Bùi Nhã L, sinh ngày 26/6/2010. Cấp sơ thẩm xét điều kiện của chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, cháu đang được sinh hoạt, học tập tốt, đầy đủ như những trẻ em cùng trang lứa và cháu L có nguyện vọng được chung sống với chị T, do đó, cấp sơ thẩm căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia

đình giao cháu L cho chị T tiếp tục được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, bảo đảm ổn định và sự phát triển toàn diện cho cháu L, cần giữ nguyên án sơ thẩm về con chung.

[4] Xét ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 79/2026/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cà Mau, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của Viện kiểm sát.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh T1 kháng cáo và không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí phúc thẩm, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm được chuyển thu án phí toàn bộ.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Bùi Thanh T1; giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 79/2026/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cà Mau.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T, chị T được ly hôn với anh Bùi Thanh T1.

2. Về con chung: Giao Bùi Nhã L, sinh ngày 26/6/2010 cho chị T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T1 có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về án phí:

3.1. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng, chị T có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006569 ngày 17/12/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí toàn bộ.

3.2. Án phí phúc thẩm: Buộc anh Bùi Thanh T1 phải chịu án phí phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Anh T1 đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng

(Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0002893 ngày 20/3/2026 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh C được chuyển thu án phí toàn bộ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa phúc thẩm TANDTC tại TP. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Cà Mau (01 bản);
- TAND Khu vực 3 – Cà Mau (01 bản);
- Phòng THADS Khu vực 3 – Cà Mau (01 bản);
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP (02 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Minh Nguyệt